***Mẫu số 15b/BCQT-NLVTNN/GSQL***

**Tên tổ chức, cá nhân Địa chỉ**

**Mã số thuế**

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP-XUẤT-TỒN TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ XUẤT KHẨU LOẠI HÌNH ĐẶT GIA CÔNG Ở NƯỚC NGOÀI, DNCX**

Kỳ báo cáo: Từ ngày…… đến ngày ……….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mã nguyên liệu, vật tư** | **Tên nguyên liệu, vật tư** | **Đơn vị tính** | **Lượng NL, VT tồn kho đầu kỳ** | **Lượng nguyên liệu, vật tư nhập trong kỳ** | **Lượng NL, VT xuất trong kỳ** | **Lượng NL,VT tồn kho cuối kỳ** | **Ghi chú** |
| **Tái nhập nguyên liệu đã xuất khẩu** | **Nhập khác** | **Xuất khẩu để sản xuất sản****phẩm** | **Thay đổi mục****đích sử dụng,****tiêu hủy** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10) = (5)+(6)+(7)-(8) - (9)* | *(11)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **(12) NGƯỜI LẬP***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **(13) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

# Ghi chú khác:

Hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa xuất kho thì ghi rõ số tờ khai hàng hóa xuất khẩu số.... Các ghi chú khác (nếu có)

# Hướng dẫn lập Mẫu số 15b/BCQT-NLVTNN/GSQL

1. *Thông tin nhập - xuất - tồn kho nguyên liệu, vật tư được lập trên cơ sở quản lý theo dõi nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên hệ thống sổ sách kế toán theo các quy định về chế độ kế toán của Bộ Tài chính và theo nguồn nhập kho.*
2. *Số liệu thể hiện trên báo cáo quyết toán là số liệu theo dõi, quản lý tại kho của tổ chức, cá nhân đặt gia công.*
3. *Hướng dẫn chỉ tiêu lập báo cáo quyết toán:*

Cột (2): Là mã của nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp tự xây dựng để quản lý nhập - xuất - tồn kho, quản lý sản xuất. Lưu ý, sử dụng mã theo quản trị của doanh nghiệp khi khai báo trên tờ khai hải quan;

Cột (4): Là đơn vị tính của nguyên liệu, vật tư được sử dụng trong quản lý sản xuất, giao dịch mua bán hàng hóa với đối tác nước ngoài và được khai trên tờ khai hải quan;

Cột (5): Là lượng nguyên liệu, vật tư cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại. Cột (6): Là lượng nguyên liệu, vật tư tái nhập sau khi đã xuất khẩu để thuê gia công.

Cột (7): Là lượng nguyên liệu, vật tư mua tại nội địa, nước ngoài, DNCX để làm nguyên liệu, vật tư cho hoạt động đặt gia công.

Cột (8): Là lượng nguyên liệu, vật tư xuất kho để xuất khẩu dùng cho sản xuất sản phẩm.

Cột (9): Là lượng nguyên liệu, vật tư đã xuất khẩu nhưng được bán, biếu, tặng, tiêu hủy, thiên tai, hỏa hoạn tại nước ngoài, DNCX, khu phi thuế quan

Cột (10): Là lượng nguyên liệu tồn tại kho cuối kỳ báo cáo.

1. Chỉ tiêu (12), (13): Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, không tiếp nhận được báo cáo quyết toán thì phải điền đầy đủ thông tin tại ô này.